TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Hận

2. Ông Võ Minh Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng N, sinh ngày 09/01/1998. Số căn cước công dân: 095198004840. Địa chỉ: Ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông La Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A, K, Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông La Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2018. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau, do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp về tính tình nên thường cãi vả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tuy hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm, tạo cơ hội cho đôi bên nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn

tình cảm vợ chồng được. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên là La Minh K, sinh ngày 07/5/2017 và La Trần Như Ý, sinh ngày 20/10/2021, khi ly hôn bà N yêu cầu giao các con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con, hiện nay cháu K và cháu Ý đang sống với ông T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông La Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến. Tại Biên bản xác minh ngày 29/8/2025, chính quyền địa phương xác định ông T vẫn còn sinh sống tại Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T, cho bà N và ông T ly hôn; về con chung: Giao cháu La Minh K, sinh ngày 07/5/2017 và La Trần Như Ý, sinh ngày 20/10/2021 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà N không cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về việc vắng mặt đương sự:* Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau đã triệu tập ông La Văn T hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do, còn bà N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà N khởi kiện ly hôn với bị đơn ông La Văn T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T hiện đang cư trú tại Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau) nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện chung sống với nhau; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2018 nên hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà N xác định, bà và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mời các đương sự để hòa giải nhằm để tạo điều kiện cho các bên đương sự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và ông T cũng không có bất cứ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản không làm việc được với ông T ngày 29/8/2025, bà La Thị P là mẹ của ông T xác định giữa ông T và bà N xảy ra mâu thuẫn vợ chồng cự cải và bà N bỏ về nhà bà N sinh sống hơn 01 năm nay, vợ chồng cũng cố gắn hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con nhưng không được. Hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ và chồng nhưng bà N và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống ly thân. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà N xác định bà và ông T có 02 con chung cháu La Minh K, sinh ngày 07/5/2017 và La Trần Như Ý, sinh ngày 20/10/2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu K và cháu Ý hiện đang sống ổn định với ông T và ông T cũng không có ý kiến gì về việc bà N yêu cầu giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu K và cháu Ý cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà N không cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Hồng N. Cho bà Trần Hồng N được ly hôn với ông La Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu La Minh K, sinh ngày 07/5/2017 và La Trần Như Ý, sinh ngày 20/10/2021 cho ông La Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu K và cháu Ý đang sống cùng với ông T. Bà Trần Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu.

Bà Trần Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Hồng N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà Trần Hồng N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0013255 ngày 14/8/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên chuyển thu án phí.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kiều Thảo